

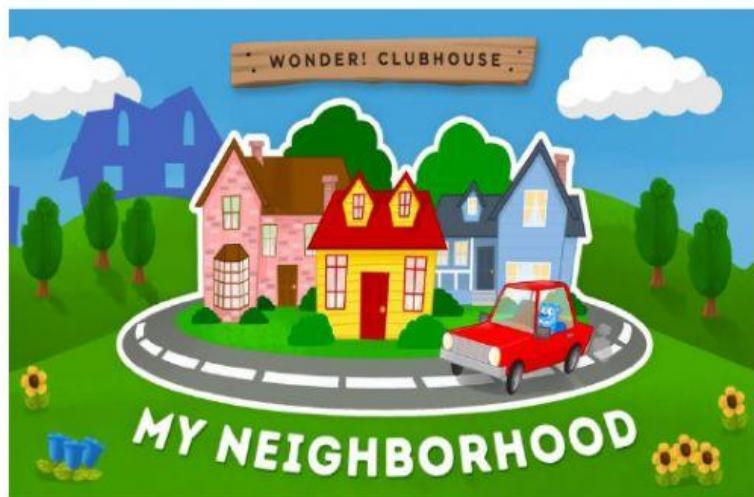
NAME:.....

Grade: 6



Unit 4

MY NEIGHBOURHOOD





Unit 4 MY NEIGHBOURHOOD

A. PHONETICS

Task 1: Find the word which has a different sound in the underlined part.

1. A. <u>re</u> new	B. <u>pea</u>	C. <u>three</u>	D. <u>key</u>
2. A. <u>wig</u>	B. <u>grin</u>	C. <u>heat</u>	D. <u>fish</u>
3. A <u>fleece</u>	B. <u>return</u>	C. <u>machine</u>	D. <u>scene</u>
4. A. <u>neat</u>	B. <u>village</u>	C. <u>cottage</u>	D. <u>shortage</u>
5. A <u>complete</u>	B. <u>cede</u>	C. <u>remind</u>	D. <u>secede</u>

B. VOCABULARY AND GRAMMAR

Task 2: Look at the pictures and complete the blanks with the words given.

museum **cathedral** **palace** **memorial**
square **art gallery** **temple** **railway station**



1.....

2.....

3.....

4.....



5.....

6.....

7.....

8.....

Task 3: Fill in the blank

restaurant **bakery** **cinema** **grocery** **post office** **bookstore** **bank** **art gallery**

1. It is a place where we send letters and buy stamps.
2. It is a place where we can buy books.
3. It is a place where we pay money to watch a movie.
4. It is a place where we can buy and eat a meal.
5. It is a place where we can save money.
6. It is a place where we can buy food and other goods.
7. It is a place where we can see paintings and other works of art.
8. It is a place where we can buy bread and cakes.



Unit 4

MY NEIGHBOURHOOD

Task 4: Fill in the blank with the correct comparative forms.

1. fast	11. attractive
2. thin	12. noisy
3. large	13. old
4. tired	14. interesting
5. good	15. wide
6. clever	16. independent
7. short	17. dry

Task 5: Fill the spaces with the correct comparative adjectives.

1. I am **(tall)** _____ than my sister.
2. My mum thinks that cats are **(good)** _____ pets than dogs.
3. He is **(intelligent)** _____ than his brother.
4. A swordfish is **(faster)** _____ than a jellyfish.
5. A blue whale is **(heavy)** _____ than twenty-five elephants.
6. You look **(thin)** _____ than last month. Have you lost weight?
7. A new house is **(expensive)** _____ than an old one.
8. Irene is **(clever)** _____ than Silvia.
9. Max is **(old)** _____ than John.
10. Computers are **(cheap)** _____ than mobile phones.

Task 6: Write comparative sentences about the pictures using *than* and the words.



1.



2.



3.



4.

Tim Sam Sapa NhaTrang**Snow White the witch New York Francisco**

1. (be/ young) Sam is younger than Tim.
2. (be/ hot) _____
3. (be/beautiful) _____
4. (be/small) _____



Unit 4

MY NEIGHBOURHOOD

C. READING

Task 7: Read and choose T or F

A new shopping mall is opening in Nam's neighborhood today. It is very different from the present shopping area. All the shops are under one roof. That will be very convenient, especially during the hot and humid summer months. Customers will shop in comfort and won't notice the weather.

Some people in the neighborhood, however, are not happy about the changes. The owners of the small stores on Tran Phu Street think the mall will take their business. Some of the goods in the new stores will be the same as the ones in the small shops, but the stores in the mall will offer a wider selection of products, some at cheaper prices.

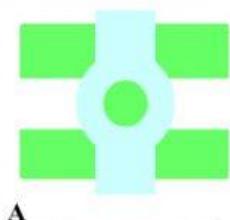
The residents and store owners have been concerned about the new mall for a few months. They have organized a community meeting in order to discuss the situation.

1. The mall is open six days a week. T / F
2. There are more than 50 stores in the mall. T / F
3. Everyone in the neighborhood is pleased with the new mall. T / F
4. It will be more comfortable to shop in the mall than in the present shopping area. T / F
5. Some of the stores on Tran Phu Street may have to close. T / F

E. LISTENING

Task 8 Listen and Match.

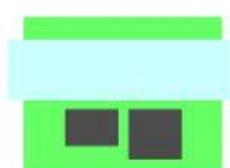
1. Turn left	3. Turn right	6. Go past	7. Roundabout	9. Next to
2. Take the second left	4. Take the second right	5. Go straight on	8. Traffic lights	10. Opposite



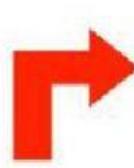
A _____



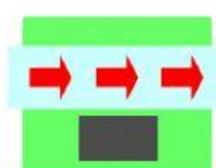
B _____



C _____



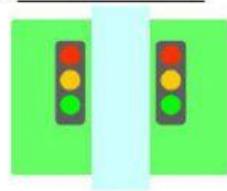
D _____



E _____



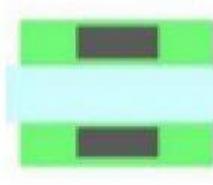
F _____



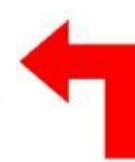
G _____



H _____



I _____



J _____



Unit 4

MY NEIGHBOURHOOD

F. WRITING

Task 9: Write the comparative sentences using the cues.

Ex: My house/ small/ her house

→ My house is smaller than her house.

1. Lan/tall/Hoa

↗

2. This book/ thick/ that book

↗

3. The chair/ short/ the table

↗

4. These boxes/ big/ those boxes

↗

5. Miss Trang/ young/ her sister

↗

The end

REVIEW – UNIT 4

A. pronunciation

/i/	/i:/
village /'vɪlɪdʒ/	meal /mi:l/

B. voc.

New words	Transcription	Meaning
antique shop	/æn'ti:k ʃɒp/	cửa hàng đồ cổ
art gallery	/ɑ:t 'gæləri/	phòng triển lãm
backyard	/bæk'ja:d/	sân sau
bakery	/'beɪkəri/	tiệm bánh
barber	/'ba:bər/	thợ cạo đầu
beauty salon	/'bju:tɪ 'sælɒn/	tiệm làm đẹp
boring	/'bɔ:rɪŋ/	tẻ nhạt
bus stop	/bʌsstop/	trạm xe bus
cathedral	/kə'θi:drəl/	nhà thờ
cemetery	/'semətri/	nghĩa trang
charity shop	/tʃærɪti ʃɒp/	cửa hàng từ thiện
comfortable	/'kʌmpfətəbl/	thoải mái
convenient	/kən'veniənt/	thuận tiện
countryside	/'kʌntrɪsaɪd/	vùng quê, nông thôn
crowded	/'kraʊdɪd/	đông đúc
department store	/dɪ'pa:tment stɔ:r/	cửa hàng tạp hóa
dress shop	/dres ʃɒp/	cửa hàng váy
exciting	/ɪk'saɪtɪŋ/	thú vị, sôi động
expensive	/ɪk'spɛnsɪv/	đắt đỏ
fantastic	/fæn'tæstɪk/	thú vị
fire station	/faɪər'steɪʃən/	trạm cứu hỏa
front yard	/frənt ja:d/	sân trước
grocery	/'grəʊsəri/	cửa hàng rau củ quả
hairdresser's	/'heədresər/	hiệu cắt tóc

health centre	/helθ' sentər/	trung tâm y tế
historic	/hɪ' stɔrɪk/	có tính lịch sử
inconvenient	/ɪn'kən'venɪənt/	không thuận tiện
incredibly	/ɪn'kredɪbli/	không thể tin nổi
memorial	/mə' mɔ:riəl/	tượng đài
modern	/'mɒdn/	hiện đại
narrow	/'nærəʊ/	hẹp
noisy	/'nɔɪzɪ/	âm ồn
pagoda	/pə' gəʊdə/	ngôi chùa
palace	/'pælis/	lâu đài
peaceful	/'pi:sfəl/	thanh bình
petrol station	/'petrəl 'steɪʃən/	trạm xăng dầu
pharmacy	/fɑ:məsi/	hiệu thuốc
polluted	/pə'lu:tɪd/	ô nhiễm
railway station	/'reɪlweɪ' steɪʃən/	nhà ga xe lửa
sandy	/'sændi/	như cát, phủ đầy cát
secondary school	/'sekəndri sku:l/	trường Trung học cơ sở
square	/skweər/	quảng trường
statue	/'stætʃu:/	bức tượng
suburb	/'sʌbɜ:b/	vùng ngoại ô
temple	/'templ/	ngôi đền
terrible	/'terəbl/	kinh khủng
traffic light	/'træfɪk laɪt/	đèn giao thông
workshop	/'wɜ:kʃɒp/	xưởng

C. Grammar

1. Comparative of adjective

Short adjectives and Long adjectives

Short adjectives (tính từ ngắn)	Long adjectives (tính từ dài)
Tính từ ngắn là những tính từ gồm 1 âm tiết.	Tính từ dài là những tính từ gồm từ 2 âm tiết trở lên

<ul style="list-style-type: none"> - nice - long - happy <p>Để chuyển sang dạng so sánh ta thêm “r/er” vào cuối tính từ ấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - nice →nicer - long →longer <p>Nếu tận cùng của tính từ là “y”, ta đổi “y” → “ier”</p> <ul style="list-style-type: none"> - dry drier - happy →happier 	<ul style="list-style-type: none"> - intelligent - beautiful - expensive <p>Để chuyển sang dạng so sánh ta thêm “more” lên trước tính từ dài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - intelligent→more intelligent - expensive → more expensive
---	---

Với các tính từ kết thúc bằng -ed, -ing, -fill, -less, khi chuyển sang dạng so sánh hơn, ta đều coi nó là tính từ dài

bored→more bored

interesting →more interesting

careful→morecareful

helpless →more helpless

Với các tính từ kết thúc bằng một nguyên âm đơn + phụ âm đơn, ta gấp đôi phụ âm

hot→hotter

big →bigger

Các tính từ đặc biệt khác

old→older/elder (già)

good →better (tốt)

far→farther/ further(xa)

bad →worse (tồi)

a. Comparative of short adjectives

S + be + adj-er + than ...

Ví dụ: Phong is taller than Trang. (*Phong cao hơn Trang.*)

Long is bigger than Quan. (*Long to hơn Quân.*)

b. Comparative of long adjectives

S + be + more + adj + than ...

Ví dụ:

Thang is more intelligent than Hung. (*Thắng thông minh hơn Hùng.*)

Your house is more modern than my house. (*Ngôi nhà của bạn hiện đại hơn ngôi nhà của tôi*)